

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả Chỉ số đánh giá Chuyển đổi số năm 2022 của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”;

Căn cứ Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Bộ Chỉ số đánh giá Chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả Chỉ số đánh giá Chuyển đổi số năm 2022 của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh, như sau:

1. Các Sở, ban ngành

TT	Đơn vị	Tổng điểm tối đa các tiêu chí đánh giá	Tổng điểm đạt được	Chỉ số CDS (% điểm đạt được so với điểm tối đa)	Xếp loại
1	Sở Công Thương	940	769.22	81.83	Khá
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	800	641.87	80.23	Khá
3	Sở Thông tin và Truyền thông	940	735.81	78.28	Khá
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	940	705.86	75.09	Khá
5	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	940	697.91	74.25	Khá
6	Sở Nội vụ	940	677.69	72.09	Khá
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	940	677.37	72.06	Khá

TT	Đơn vị	Tổng điểm tối đa các tiêu chí đánh giá	Tổng điểm đạt được	Chỉ số CDS (% điểm đạt được so với điểm tối đa)	Xếp loại
8	Sở Y tế	940	661.59	70.38	Khá
9	Thanh tra tỉnh	800	561.85	70.23	Khá
10	Ban Dân tộc	800	525.65	65.71	TB
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	940	617.07	65.65	TB
12	Sở Giao thông vận tải	940	584.18	62.15	TB
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	940	564.76	60.08	TB
14	Sở Khoa học và Công nghệ	940	563.31	59.93	TB
15	Sở Tài chính	940	560.93	59.67	TB
16	Sở Tư pháp	940	521.93	55.52	TB
17	Sở Xây dựng	940	496.18	52.79	TB
18	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	940	473.69	50.39	TB
19	Sở Ngoại vụ	800	341.48	42.69	Yếu
20	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	940	397.03	42.24	Yếu

2. Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố

TT	Đơn vị	Tổng điểm tối đa các tiêu chí đánh giá	Tổng điểm đạt được	Chỉ số CDS (% điểm đạt được so với điểm tối đa)	Xếp loại
1	UBND huyện Đắk Hà	950	466.79	49.14	Yếu
2	UBND huyện Ngọc Hồi	950	381.17	40.12	Yếu
3	UBND thành phố Kon Tum	950	358.91	37.78	Yếu
4	UBND huyện Sa Thầy	950	346.67	36.49	Yếu
5	UBND huyện Kon Rẫy	950	345.34	36.35	Yếu
6	UBND huyện Ia H'Drai	950	330.63	34.80	Yếu
7	UBND huyện Tu Mơ Rông	950	307.98	32.42	Yếu
8	UBND huyện Đắk Glei	950	307.70	32.39	Yếu
9	UBND huyện Kon Plông	950	282.88	29.78	Yếu
10	UBND huyện Đắk Tô	950	130.42	13.73	Yếu

(Trong năm 2022, một số tiêu chí tỉnh chưa triển khai nên không tính trong tổng điểm tối đa)

Điều 2. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định trình phê duyệt; tổ chức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện sau đánh giá; phối hợp, hướng dẫn các đơn vị, địa phương có thứ hạng thấp để khắc phục những tồn tại, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình chuyển đổi số.

Căn cứ Chỉ số đánh giá Chuyển đổi số năm 2022, các đơn vị, địa phương tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm, có giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số, cải thiện Chỉ số chuyển đổi số những năm tiếp theo.

Điều 3. Giám đốc các Sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đ/b);
- Các Sở, ban ngành;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, KGVX_{PTDL}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Tuấn